

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 12-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Hội.

Bà Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05-6 và 12-6-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T: Tăng Thị L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Nguyễn Phi L1, sinh năm 1966;

2/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà **L**, bà **H** có mặt tại phiên tòa; Ông **L1** vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Huỳnh Văn T** là bà **Tăng Thị L**: Vợ chồng ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có ký chót nợ của ông **Huỳnh Văn T** số tiền là 35.000.000đồng, cam kết sẽ trả đủ trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 01-9-2023 nếu vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật, không có gì thay đổi. Theo tờ nhận nợ ngày 28-8-2023 do ông **L1** viết, vợ chồng ông **L1** và bà **H** cùng ký tên. Đến ngày 30-10-2023 bà **H** có trả cho ông **T** được 30.000.000đồng, có biên nhận tiền, còn nợ lại số tiền 5.000.000đồng cho đến nay ông **L1** và bà **H** không trả, ông **T** có đòi thì ông **L1** và bà **H** nói không có tiền trả. Do đó, ông **T** khởi kiện yêu cầu ông **L1** và bà **H** trả số tiền vay còn nợ là 5.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài số tiền nợ vay nêu trên thì ông **L1** và bà **H** không còn nợ khoản tiền vay, tiền góp và khoản nợ nào khác của ông **T**.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông **T** là bà **Tăng Thị L** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **T** số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng, không tính lãi.

Lời trình bày của bị đơn **Nguyễn Thị H**: Qua ý kiến trình bày và yêu cầu của ông **T**, bà **H** có ý kiến như sau: Trước đây vợ chồng bà **H** và ông **L1** có vay tiền của ông **T**, sau đó ông **T** có khởi kiện đến Tòa án huyện **T** thì giữa ông **T**, ông **L1**, bà **H** thống nhất làm tờ thỏa nhận nợ ngày 28-8-2023 với số tiền là 35.000.000 đồng, vợ chồng ông **L1** và bà **H** hứa sẽ trả số tiền trên trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 01-9-2023, nhưng sau khi làm tờ biên nhận xong thì chưa đến hạn ông **L1** và bà **H** đã lo được số tiền 30.000.000đồng, khi đó bà **H** là người trực tiếp đem số tiền 30.000.000 đồng đến Văn phòng Luật sư **L** và Luật sư **L** nhận số tiền 30.000.000 đồng cho ông **T**, trong khi trả số tiền 30.000.000đồng, bà **H** có nói với Luật sư Liên nhấn lại với ông **T** số tiền 5.000.000 đồng còn lại cho vợ chồng bà **H** và ông **L1** xin ông **T**, coi như trả 30.000.000đồng là xong.

Nay qua yêu cầu của ông **T**, bà **H** không đồng ý trả số tiền 5.000.000đồng theo yêu cầu của ông **T** vì bà **H** đã xin ông **T** và hiện nay bà **H** cũng không còn khả năng trả tiền cho ông **T**.

Bị đơn ông **Nguyễn Phi L1**: Đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ trên tờ nhận nợ ngày 28-8-2023 do ông **L1** viết, vợ chồng ông **L1**, bà **H** cùng ký tên thì có thiếu ông **T** 35.000.000đồng đến 30-10-2023, bà **H** đã trả được 30.000.000 đồng có biên nhận còn 5.000.000 đồng cho

đến nay không trả nên ông **T** khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông **L1**, bà **H** trả số tiền vay còn thiếu 5.000.000 đồng là có cơ sở.

Việc thiếu nợ cũng được bà **H** thừa nhận nhưng không trả, còn ông **L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định pháp luật.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên, nhận thấy. Ông **Huỳnh Văn T** yêu cầu **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** trả số tiền vay còn thiếu 5.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với chứng cứ chứng minh số tiền nợ mà bà **H**, ông **L1** còn thiếu ông **T**.

Căn cứ Điều 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Văn T**. Buộc ông **Nguyễn Phi L1**, bà **Nguyễn Thị H** trả số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng cho ông **T**, không tính lãi.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn **Nguyễn Phi L1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông **Huỳnh Văn T** yêu cầu ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), không tính lãi.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông **Nguyễn Phi L1** và việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn **Nguyễn Phi L1** không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông **Huỳnh Văn T** cũng như không phản đối gì đối với yêu cầu của ông **Huỳnh Văn T** nên yêu cầu của ông **Huỳnh Văn T** là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2, khoản 4 khoản Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị H** thừa nhận có chót nợ vay với ông **Huỳnh Văn T** số tiền 35.000.000 đồng, do ông **L1** viết

biên nhận nợ, nhưng bà **H** cho rằng khi trả số tiền 30.000.000 đồng cho ông **T** thì bà **H** xin số tiền còn lại là 5.000.000 đồng, nhưng ông **T** không đồng ý mà yêu cầu ông **L1** và bà **H** tiếp tục trả số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng, không tính lãi là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông **Huỳnh Văn T** là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông **Huỳnh Văn T**. Buộc ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Huỳnh Văn T** số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), không tính lãi là phù hợp theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”. Trong vụ án này các bị đơn ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn **Huỳnh Văn T** số tiền 5.000.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000 đồng án phí; Nguyên đơn không phải chịu án phí. Về tiền tạm ứng án phí ông **T** thuộc trường hợp miễn nên không đặt vấn đề xử lý.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Huỳnh Văn T**.

Buộc ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Huỳnh Văn T** số tiền vay còn thiếu gốc là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo

mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Nguyễn Phi L1** và bà **Nguyễn Thị H** có nghĩa vụ liên đới chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí.

Ông **Huỳnh Văn T** không phải chịu án phí. Về tiền tạm ứng án phí ông **Huỳnh Văn T** thuộc trường hợp miễn nên không đặt vấn đề xử lý.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12-6-2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương